TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1940, chết năm 2022; Địa chỉ: số 650B/33 Đường T, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn*:

1/ Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 650B/33 Đường T, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 270 Đường H, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 650B/33 Đường T, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang

Ông N, bà D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1966 tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2023) (có mặt).

- *Bị đơn*: Phan Thị Lệ T, sinh năm: 1969; Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2021 bà Võ Thị Ngọc M trình bày: vào năm 2012 bà Phan Thị Lệ T có vay của bà Võ Thị Ngọc M số tiền 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng), mục đích vay tiền để chữa bệnh cho chồng bà T, hai bên không thỏa thuận lãi suất, bà T có làm biên nhận ngày 15/4/2012 âm lịch, tuy nhiên từ lúc vay đến nay bà T không thực hiện việc trả vốn lại cho bà M. Bà M khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả lại cho bà M số tiền 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng) và tính lãi suất theo mức lãi suất quá hạn của ngân hàng từ tháng 5/2012 đến ngày xét xử.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Phan Thị Lệ T nhưng bà T đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phan Thị Lệ T có nghĩa vụ thanh toán cho người thừa kế của bà Võ Thị Ngọc M số tiền 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng), xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc.

- Bị đơn bà Phan Thị Lệ T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho người thừa kế của nguyên đơn số tiền 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng), đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: tranh chấp giữa bà Võ Thị Ngọc M và bà Phan Thị Lệ T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: tại biên bản xác minh ngày 21/3/2022 Công an xã C, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận bà Phan Thị Lệ T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã C, huyện C, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 *Về áp dụng bộ luật dân sự*: hợp đồng vay tài sản giữa bà Võ Thị Ngọc M và bà Phan Thị Lệ T được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa bà M và bà T đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

1.4 Về sự có mặt của đương sự: bà Phan Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là bản chính biên nhận ngày 15/4/2012 âm lịch có chữ ký xác nhận và dấu lăn tay của bà Phan Thị Lệ T đã xác định được bà Phan Thị Lệ T có vay của bà Võ Thị Ngọc M số tiền 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất.

Sự thỏa thuận giữa bà M và bà T là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không trái đạo đức, pháp luật nên được xem là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T không trả vốn nên đã vi phạm thỏa thuận, bà M yêu cầu bà T trả số tiền đã vay là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền còn nợ là 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng), tuy nhiên bà M chết vào năm 2022 nên bà T có nghĩa vụ trả số nợ trên cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Ngọc M là các ông bà Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Thị Hồng N.

2.2 Về lãi suất: tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2021 nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất quá hạn của ngân hàng từ tháng 5/2012 đến ngày xét xử đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 2.097.000.000 đồng. Tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và cũng là người đại diện cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N rút lại phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 2.097.000.000. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn Võ Thị Ngọc M là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, do đó bà M được miễn tiền tạm ứng án phí phải nộp theo điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Ngọc M.

Buộc bà Phan Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Ngọc M là các ông bà Nguyễn Trọng N, Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Thị Hồng N số tiền vốn gốc là 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Ngọc M yêu cầu tính lãi đối với số tiền 2.097.000.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn Võ Thị Ngọc M là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, do đó bà M được miễn tiền tạm ứng án phí phải nộp theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Bà Phan Thị Lệ T phải chịu 73.940.000 đồng (bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Thị Mỹ D và bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2023). Bà Phan Thị Lệ T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Phúc